TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 19-3-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Vũ Lan Anh – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1036/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2024 và các lời khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2016, việc kết hôn do chị và anh S đều tự nguyện. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn S do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 09/2024 đến nay, hiện chị và cháu V sống cùng với cha mẹ ruột tại Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 10/12/2016. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng.

Chị T xác định từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì cháu V do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu V phát triển bình thường, được đi học và có cha mẹ của chị hỗ trợ chăm sóc cháu. Quá trình nuôi con chị có tạo điều kiện cho anh S đến thăm con và hỗ trợ tiền để nuôi con. Do cháu V còn nhỏ tuổi và là con gái nên cần sự gần gũi và chăm sóc của mẹ hơn.

Trước đây chị làm công nhân Công ty may Khang Thịnh nhưng để thuận tiện việc đưa đón con đi học nên chị nghỉ làm tại công ty và mở sạp buôn bán trái cây tại nhà, địa chỉ: Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Ngoài chi phí nuôi con ra, chị không phải cấp dưỡng để nuôi bất cứ ai khác.

Anh S khai, hiện anh đang làm công ty TNHH B, mức lương trung bình mỗi tháng từ 08- 12 triệu đồng/tháng và anh đang sống cùng nhà với cha mẹ ruột tại xã L, huyện L là đúng

- Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân nhau từ giữa từ tháng 9/2024 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh S đồng ý vì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 10/12/2016. Ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, cháu V phát triển bình thường, được đi học và có gia đình của chị T hỗ trợ chăm sóc cháu. Quá trình nuôi con chị T có tạo điều kiện cho anh đến thăm con và hỗ trợ tiền nuôi con. Do hiện tại chị T không có công việc ổn định và điều kiện học hành ở Vĩnh Long không tốt bằng ở L nên anh S yêu cầu được nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết giao con cho chị T nuôi thì anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng. Hiện anh đang làm công nhân tại công ty TNHH B, mức lương trung bình mỗi tháng từ 08- 12 triệu đồng/tháng nên sẽ đảm bảo cho cuộc sống của cháu V hơn.

- Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh S vì mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ; Về con chung: Chị T, anh S đều tranh chấp nuôi con chung. Tuy nhiên, để ổn định cuộc sống cho cháu V, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T nuôi con yêu cầu anh S cấp dưỡng 02 triệu đồng/tháng, anh S cũng đồng ý nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim T xin ly hôn, anh Phạm Văn S đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Bùi Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn S.

[2] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 10/12/2016. Ly hôn, chị T tranh chấp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng 02 triệu đồng/tháng, anh S tranh chấp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì chị T và anh S đều đủ điều kiện nuôi con. Lời khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa anh S đều thừa nhận thời gian qua chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đảm bảo được tất cả các nhu cầu cần thiết để cháu V phát triển. Hiện cháu V đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến thì cháu V có nguyện vọng được sống với chị T. Do cháu V còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên để đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu V, cần tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T nuôi con yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng, anh S đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Trường hợp anh S khai anh có thu nhập cao hơn chị T thì anh S có quyền tự thỏa thuận với chị T về việc tăng thêm mức cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo điều kiện cuộc sống và học tập của cháu V được tốt hơn.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh S khai không có nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Bùi Thị kim T đối với anh Phạm Văn S.

Xử cho chị Bùi Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn S.

Giao con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 10/12/2016 cho chị Bùi Thị kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

Anh S được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014444 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

3. Chị T và anh S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã Lộc An;
(GCNKH số 11 ngày 16/3/2016) (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa.**

Nguyễn Văn Ngẫu - Nguyễn Thị Thu Hà **Bùi Thị Minh Thảo**